

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/ST- HNGĐ
Ngày: 22/9/2020
V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa
chị Th và anh Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Sướng;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu;
Ông Dương Văn Hánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lựa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Anh- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 208/2020/TLST- HNGĐ ngày 14/7/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐ-HPT ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã C huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Đặng Công Q, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Tr, huyện T, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Đặng Công Q kết hôn vào ngày 13/3/2020. Trước khi cưới chị và anh Q có được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, chị về chung sống với anh Q luôn và sinh sống riêng trên nhà đất của bố mẹ anh Q tại thôn C, xã Tr, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình chung sống, chị và anh Q sống với nhau không có hạnh phúc. Vợ chồng mới cưới nhau được 5 ngày, anh Q đã đánh chửi, đuổi chị nói chị không đẻ

được con. Nhà anh Q gần đê, anh Q đã không cho chị vào nhà nên chị đã ngồi cả đêm ở trên đê. Do vợ chồng mới cưới nhau, nên chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn chung sống với anh Q. Vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau được khoảng 2 tháng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do chị phát hiện anh Q yếu sinh lý nên không thể có con. Vợ chồng có đi khám tại Bệnh viện Nam Học và hiếm muộn Hà Nội. Bác sỹ đã kết luận là anh Q vô sinh, không thể có con. Tuy nhiên, chị vẫn cố gắng động viên anh Q chữa trị nhưng anh Q và gia đình lại chửi bới, nói chị mua chuộc, thông đồng với bác sỹ nói anh Q vô sinh. Chị cũng đã đã giải thích nhưng anh Q và gia đình anh Q không nghe. Không những thế, giữa chị và mẹ anh Q cũng không hợp nhau, chị làm gì mẹ anh Q cũng không vừa lòng gia. Nhiều lần mẹ anh Q nói xấu, chửi bới chị. Chị cũng nói chuyện với anh Q nhưng anh Q nghe lời gia đình không quan tâm đến cảm xúc của chị. Đến cuối tháng 6/2020, mẹ anh Q đã đuổi chị ra khỏi nhà nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện T sinh sống. Thời gian vợ chồng ly thân, anh Q cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Chị và anh Q đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ cuối tháng 6/2020 cho đến nay. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Q nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Hiện tại chị không có thai.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài nội dung trên chị Th không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Đặng Công Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q lên Tòa án làm việc nhưng anh Q không chấp hành. Tòa án đã về thôn C, xã Tr nơi anh Q cư trú làm việc nhiều lần nhưng anh Q không làm việc với Tòa án, từ chối khai báo nên Tòa án không ghi được quan điểm, ý kiến của anh Q về giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 203, 220, 227, 228, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 269 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; 56, 57 Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Đặng Công Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị Th không không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, đương sự trong vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Chị Th làm đơn xin ly hôn anh Q nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Q đang cư trú, sinh sống trên địa bàn huyện Tiên Du nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho bị đơn anh Đặng Công Q hợp lệ. Tuy nhiên anh Q không lên Tòa án lấy lời khai, tham gia phiên hòa giải. Ngày 09/9/2020, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng anh Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi đương sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa xét xử vào ngày 22/9/2020. Tuy nhiên anh Q tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Th kết hôn với anh Đặng Công Q vào ngày 13/3/2020 trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, phía chị Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Q yếu sinh lý, không thể có con. Chị Th và anh Q đã đi khám tại Bệnh viện Nam Học và hiếm muộn Hà Nội, bác sỹ đã kết luận là anh Q vô sinh. Chị vẫn cố gắng động viên anh Q chữa trị nhưng anh Q và gia đình lại chửi bới chị, nói chị mua chuộc, thông đồng với bác sỹ đổ oan cho anh Q vô sinh. Chị đã giải thích nhưng anh Q và gia đình anh Q không ai nghe. Sau đó cuối tháng 6/2020, mẹ anh Q đã đuổi chị ra khỏi nhà nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã Tr, huyện T sống. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh Q cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Vợ chồng đã ly thân từ cuối tháng 6/2020 cho đến nay, cắt đứt

mọi quan hệ tình cảm. Về phía bị đơn anh Đặng Công Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên Tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã về thôn C, xã Tr nơi anh Q cư trú làm việc nhiều lần nhưng anh Q không làm việc với Tòa án, từ chối khai báo nên Tòa án không ghi được quan điểm, ý kiến của anh Q về giải quyết vụ án. Điều này đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Th, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tế.

Về con chung: Không có. Hiện tại chị Th không có thai.

Tài sản chung, công nợ: Chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 203, 220, 227, 228, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 269 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; 56, 57 Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Đặng Công Q.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002505 ngày 14/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Chị Th có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã Tri Phương.
- - Lưu án văn, hồ sơ

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Sướng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Lưu

Đào Thị Thu

Nguyễn Thị Phong

